

Bản án số: 24/2022/DS-PT

Ngày: 17 - 02 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lâm Triệu Hữu

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Trường Thọ

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Có – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:** Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 86/2021/DSST ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 227/2021/QĐPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lai Bạch H**, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: Số 64A/5, ấp Long H, xã Đ, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

Nơi ở hiện nay: Số 1/6, đường H3, Phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hoàng A**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số bc/3D, Lộ B, Khóm 2, Phường 9, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn, bà Lai Bạch H

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 4 năm 2021 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Lai Bạch H trình bày: Ngày 22/12/2020, bị đơn là anh Nguyễn Hoàng A nói với bà rằng có khách hàng đặt hàng mỹ phẩm của Công ty (nơi anh Hoàng A biết) với chiết khấu 20% nhưng không có tiền để mua hàng về bán nên đã mượn bà 57.000.000đ để mua hàng với thỏa thuận: sau khi bán cho khách hàng, trong vòng 01 tuần sẽ trả tiền và chia cho bà 10% tiền lời. Để làm tin, khi hàng về, anh Hoàng A đã để tại nơi của bà H. Tuy nhiên, sau đó, bà H mới biết khách hàng không có mua hàng như lời anh Hoàng A nói nên bà đã gặp trao đổi thì Hoàng A hứa qua Tết sẽ hỏi tiền trả lại và tính tiền lãi cho bà 5%/tháng kể từ tháng 01/2021 nhưng đến nay vẫn chưa trả. Do vậy, nguyên đơn kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Nguyễn Hoàng A phải trả số tiền 57.000.000đ và lãi suất thỏa thuận 5%/tháng kể từ ngày 01/01/2021 đến ngày 11/5/2021 bằng 12.350.000đ, tổng cộng 69.350.000đ. Cán trừ số tiền Hoàng A đã trả được 6.444.000đ, còn nợ 62.906.000đ và yêu cầu tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

Tòa án đã thông báo thụ lý, thông báo về phiên hòa giải cho anh Nguyễn Hoàng A theo đúng quy định pháp luật, triệu tập các đương sự đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng anh Hoàng A không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 86/2021/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử:

Áp dụng Điều 504, 506, 507, 510 BLDS 2015; Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lai Bạch H.

Buộc anh Nguyễn Hoàng A có nghĩa vụ trả bà Lai Bạch H số tiền 50.556.000đ (năm mươi triệu năm trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015.

Không chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà H.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn ghi nhận sự tự nguyện giao trả lại 02 (hai) thùng hàng của anh Hoàng A còn đang lưu giữ ở chỗ bà H cho anh Hoàng A. Đồng

thời, quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, nguyên đơn, bà Lai Bạch H có đơn kháng cáo với nội dung: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc anh Nguyễn Hoàng A trả số tiền 57.000.000đ và lãi suất 5%/tháng tính từ ngày 01/01/2021 cho đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có kháng cáo, bà Lai Bạch H trình bày: thừa nhận có một phần lỗi khi không yêu cầu bị đơn Nguyễn Hoàng A phải ghi rõ nội dung vay tiền và ngày, tháng trên biên nhận cũng như các thỏa thuận cụ thể trong việc trả tiền vay. Tuy nhiên, số tiền giao cho Hoàng A là do vay ngân hàng nên tiền lãi theo yêu cầu kháng cáo là thiệt hại mà bà phải gánh chịu. Do vậy, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm phải buộc bị đơn trả lãi đối với số tiền đã nhận với mức lãi suất 5,0%/tháng tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 11/5/2021 và cho đến khi thi hành án xong. Đối với số tiền 6.444.000 đồng đã nhận từ anh Hoàng A trong quá trình bán mỹ phẩm, bà H đồng ý căn trừ vào tiền lãi mà anh Hoàng A có nghĩa vụ phải trả. Trong trường hợp, xác định đây là quan hệ hợp đồng hợp tác như án sơ thẩm, bà H thừa nhận việc hùn vốn để chia tiền lãi là có thật. Tuy nhiên, việc bán mỹ phẩm chỉ có lợi nhuận chứ không lỗ nên cần phải chia lại lợi nhuận tối thiểu bằng 5,0%/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Kháng cáo của bà Lai Bạch H là không có căn cứ, không phù hợp chứng cứ do nguyên đơn cung cấp (BL56) vì theo biên nhận thể hiện, bị đơn ký nhận số tiền 57.000.000 đồng của bà H hùn bán mỹ phẩm, lời chia đôi, không ghi thời gian, thời hạn các bên thực hiện giao dịch. Ngoài lời khai, bà H không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh việc đưa tiền cho bị đơn là cho vay tài sản có thỏa thuận lãi suất nên xác định đây là hợp đồng hợp tác theo quy định tại Điều 504 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Lai Bạch H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, vị đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về các nội dung không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực thi hành và miễn án phí phúc thẩm cho bà Lai Bạch H vì là người cao tuổi theo quy định của Luật người cao tuổi.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của đương sự. Căn cứ vào kết quả tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### [1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là bà Lai Bạch H có đơn kháng cáo ngày 09/11/2021 đối với bản án sơ thẩm ngày 26/10/2021 trong thời hạn luật định và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên kháng cáo của bà H được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Bị đơn là anh Nguyễn Hoàng A không có kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử phúc thẩm vắng mặt đương sự.

### [2] Về nội dung:

[2.1] Về việc nguyên đơn kháng cáo không đồng ý quan hệ hợp đồng hợp tác vì cho rằng chỉ cho bị đơn vay tiền.

Theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”.

Theo quy định tại Điều 504 của Bộ luật dân sự năm 2015: “*1. Hợp đồng hợp tác là sự thỏa thuận giữa các cá nhân, pháp nhân về việc cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm. 2. Hợp đồng hợp tác phải được lập thành văn bản*”.

Biên nhận do nguyên đơn cung cấp (BL56) có nội dung: “*Tôi tên: Nguyễn Hoàng A (03-12-1983) có nhận 57.000.000 (bằng chữ năm mươi bảy triệu chẵn) của chị Lai Bạch H. Hùn bán mỹ phẩm lời chia đôi*”. Ngoài ra, biên nhận chỉ ghi địa chỉ và chỉ có chữ ký của anh Hoàng A.

Đối chiếu quy định đã viện dẫn, văn bản do nguyên đơn cung cấp thể hiện việc đóng góp tài sản để thực hiện công việc nhất định là “bán mỹ phẩm”, cùng hưởng lợi là “lời chia đôi” nên không thỏa dấu hiệu hợp đồng vay tài sản mà là hợp đồng hợp tác như án sơ thẩm nhận định tại mục [3],[4] là có căn cứ.

[2.2] Về việc nguyên đơn kháng cáo không đồng ý căn trừ tiền đã nhận và yêu cầu tính lãi 5,0%/tháng.

Xét văn bản hợp tác không thỏa các nội dung chủ yếu về thời hạn hợp tác; quyền, nghĩa vụ của các bên; điều kiện chấm dứt,...nên vi phạm Điều 505. Đồng thời, về hình thức, hợp đồng không ghi thời gian xác lập; không ghi đầy đủ địa chỉ cư trú và không có chữ ký của bà H. Chứng cứ do bà H cung cấp không đủ cơ sở xác định các bên đã thực hiện về nghĩa vụ tài sản cụ thể như thế nào. Do vậy, hợp đồng bị vô hiệu theo quy định tại Điều 407. Các bên phải hoàn lại cho nhau những gì đã nhận và phải chịu thiệt hại tương ứng lỗi theo quy định tại Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về lỗi, bà H thừa nhận có một phần lỗi nhưng cho rằng bị nhầm lẫn giữa việc cho vay tiền và việc hùn vốn, hợp tác, cũng như đã bị anh Hoàng A lừa dối. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày, bà H không có chứng cứ chứng minh và hợp đồng vô hiệu chủ yếu do vi phạm hình thức nên xác định lỗi của các bên là như nhau. Do vậy, tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo là thiệt hại tương ứng lỗi mà bà H phải tự gánh chịu và số tiền 6.444.000 đồng do bà H đã nhận được cần trừ vào số tiền theo nghĩa vụ phải trả 57.000.000 đồng như án sơ thẩm nhận định tại mục [4],[5] là có căn cứ.

[3] Tòa án cấp phúc thẩm đã yêu cầu bà H cung cấp chứng cứ chứng minh cho nội dung khởi kiện và yêu cầu kháng cáo nhưng ngoài văn bản trình bày, nguyên đơn có kháng cáo không cung cấp được chứng cứ hợp pháp chứng minh cho yêu cầu là có căn cứ nên kháng cáo không được chấp nhận toàn bộ như nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà H là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về ghi nhận sự tự nguyện giao trả lại 02 (hai) thùng hàng của anh Hoàng A; án phí sơ thẩm; quyền và nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Lai Bạch H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 86/2021/DSST, ngày 26/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố V.

Áp dụng các điều 504, 505, 407, 131 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lai Bạch H.

Buộc anh Nguyễn Hoàng A có nghĩa vụ trả cho bà Lai Bạch H số tiền 50.556.000đ (*năm mươi triệu năm trăm năm mươi sáu ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà H.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Lai Bạch H do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Tp. V;
- VKSND Tp. V;
- CCTHADS Tp. V;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Lâm Triệu Hữu**